TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngư

Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 04/01/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lương Thị Thanh T**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết T1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T trình bày :

Vào ngày 25/11/2020 (Âm lịch) bà T có tham gia dây hụi tháng trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cùng những người trong xóm do bà Nguyễn Thị Tuyết T1 làm đầu thảo và tổng cộng có 22 (Hai mươi hai) người tham gia. Hàng tháng thì đến ngày 25 (Âm lịch) thì tiến hành khui hụi tại nhà bà T1, tiếp đó trong vòng 10 ngày thì bà T1 sẽ đi gom tiền hụi. Bà T đã đóng được tổng cộng 18 lần, tính đến ngày 25/8/2022 (Âm lịch) thì bà T1 không tiến hành khui hụi nữa và bỏ đi đâu không rõ nguyên nhân. Sau đó bà T có đến nhà bà T1 nhiều

lần nhưng không gặp, chỉ gặp được cháu L (chồng của bà T1) nói: "Đợi vợ con về rồi tính" nhưng bà T có điện thoại cho bà T1 nhiều lần nhưng không liên lạc được.

Nay bà Lương Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T1 có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền là: 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) do bà T đã tham gia đóng hụi trong vòng 18 tháng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 trình bày:

Bà thừa nhận bà có làm chủ hụi dây hụi tháng 2.000.000 đồng, ngày khui hụi là ngày 25/11/2020 âm lịch, tổng cộng có 22 (Hai mươi hai) người tham gia đúng như bà T trình bày. Hàng tháng thì đến ngày 25 (Âm lịch) thì tiến hành khui hụi tại nhà bà. Trong đó, bà T tham gia 01 chân hụi, bà T đã đóng cho bà được 18 tháng tiền hụi với số tiền là 36.000.000 đồng. Bà thừa nhận bà có nhận số tiền hụi 36.000.000 đồng do bà T đóng hụi cho bà. Tuy nhiên, việc bà chưa trả tiền hụi cho bà Lương Thị Thanh T là do còn một số hụi viên chưa đóng tiền hụi chết cho bà nên bà không gom được tiền để trả cho bà T, chứ bà không có giựt hụi của bà Lương Thị Thanh T. Khi nào bà gom được tiền hụi chết của những hụi viên chưa đóng hụi cho bà thì bà sẽ trả tiền hụi lại cho bà T. Đồng thời, số tiền nợ hụi 36.000.000 đồng này là nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng của bà là ông Ngô Văn L.

Bà đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bà tại các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà Lương Thị Thanh T số tiền 36.000.000 đồng.

+ Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T1 phải trả cho bà Lương Thị Thanh T số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 cư trú tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T thì thấy rằng: Theo đơn khởi kiện, bà Lương Thị Thanh T cho rằng vào ngày 25/11/2020 (Âm lịch) bà T có tham gia dây hụi tháng trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Tuyết T1 làm chủ hụi và tổng cộng có 22 (Hai mươi hai) người tham gia. Bà T đã đóng được tổng cộng 18 lần với số tiền là 36.000.000 đồng, đến ngày 25/8/2022 (Âm lịch) thì bà T1 không tiến hành khui hụi nữa và bỏ đi đâu không rõ nguyên nhân. Do đó, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết T1 có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị Thanh T số tiền là: 36.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 cũng thừa nhận lời trình bày của bà T là đúng. Bà T1 thừa nhận hiện nay bà T1 còn nợ của bà T số tiền hụi là 36.000.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, bà Nguyễn Thị Tuyết T1 đã thừa nhận là hiện nay bà còn nợ của bà Lương Thị Thanh T số tiền nợ hụi là 36.000.000

đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 36.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với việc bà Nguyễn Thị Tuyết T1 cho rằng lý do bà chưa trả tiền hụi cho bà Lương Thị Thanh T là do còn một số hụi viên chưa đóng tiền hụi chết cho bà nên bà không gom được tiền để trả cho bà T, chứ bà không có giựt tiền hụi của bà Lương Thị Thanh T. Khi nào bà gom được tiền hụi chết của những hụi viên chưa đóng hụi cho bà thì bà sẽ trả tiền hụi lại cho bà T thì thấy rằng: Căn cứ vào thời gian mở hụi, số thành viên tham gia dây hụi, cũng như lời trình bày của các bên đương sự thì dây hụi này đã mãn từ 25/9/2022 âm lịch (ngày 20/10/2022 dương lịch). Căn cứ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường có quy định về nghĩa vụ của chủ họ như sau:

"3. Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

4. Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Tuy nhiên, với vai trò là chủ hụi, bà Nguyễn Thị Tuyết T1 đã không thực hiện giao phần tiền hụi cho bà T theo đúng thỏa thuận. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T1 có nghĩa vụ trả lại tiền hụi cho bà T là có căn cứ. Cho nên, việc bà T1 cho rằng khi nào bà T1 gom được tiền hụi chết của những hụi viên chưa đóng hụi cho bà thì bà sẽ trả tiền hụi lại cho bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T số tiền là 36.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là (36.000.000 đồng x 05%) = 1.800.000 đồng

theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lương Thị Thanh T số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam